TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-10-2019
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Khởi.

Ông Nguyễn Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Phượng H, sinh năm 1992; cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985; cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 7 năm 2019 nguyên đơn chị Huỳnh Thị Phượng H trình bày:

Vào năm 2009, chị H và anh Nguyễn Văn T1 có tổ chức lễ cưới. Sau đó, chị H, anh T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 2, ngày 10 tháng 9 năm 2011, là hôn nhân tự nguyện. Sau khi cưới, chị H, anh T1 chung sống tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc dẫn đến tình cảm không còn, nên chị H và anh T1 không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống, chị H và anh T1 có một con chung tên Nguyễn Huỳnh Thị Anh T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010, hiện nay cháu T2 đang sống chung với chị H.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Huỳnh Thị Phượng H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Phượng H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Chị Huỳnh Thị Phượng H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Thị Anh T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010 đến tuổi thành niên, chị H yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T2 tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 333/TB-TLVA ngày 23 tháng 7 năm 2019, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Văn T1, nhưng anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với anh T1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh T1 trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; về con chung giao con chung tên Nguyễn Huỳnh Thị Anh T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010 cho nguyên đơn nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh Thị Phượng H và anh Nguyễn Văn T1 cùng cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T1, yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho chị H nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị H đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của chị Huỳnh Thị Phượng H là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Phượng H thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Theo đơn khởi kiện, chị H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Thị Anh T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010 đến tuổi thành niên và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T2 tròn 18 tuổi. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Huỳnh Thị Anh T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010 đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu T2 đến tròn 18 tuổi. Xét thấy, việc thay đổi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn T1.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Phượng H, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 2, ngày 10 tháng 9 năm 2011 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Phượng H và anh Nguyễn Văn T1 là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Phượng H, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị H, anh T1 hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc dẫn đến tình cảm không

còn. Đến tháng 11 năm 2018, thì chị H, anh T1 không còn sống chung cho đến nay và chị H, anh T1 đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[5] Về con chung: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Thị Anh T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010 đến tuổi thành niên. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản ghi ý kiến ngày 12 tháng 9 năm 2019, cháu Nguyễn Huỳnh Thị Anh T2 thể hiện nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là chị H nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận giao cháu Nguyễn Huỳnh Thị Anh T2 cho chị H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị H không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T1 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Huỳnh Thị Phượng H.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Phượng H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Phượng H là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Phượng H và anh Nguyễn Văn T1 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Thị Anh T2, sinh ngày 17 tháng 12 năm 2010 cho chị Huỳnh Thị Phượng H nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T1 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị H.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Huỳnh Thị Phượng H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Phượng H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Phượng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0009171 ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Huỳnh Thị Phượng H đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn